

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CP ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT



Lâm Đồng, ngày 12 tháng 6 năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Tài liệu tham khảo	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ	2
Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin	3
Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin	4
Điều 6. Phương tiện công bố thông tin	4
Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin	5
CHƯƠNG II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN	5
Điều 8. Công bố thông tin định kỳ	5
Điều 9. Công bố thông tin bất thường	7
Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu	11
Điều 11. Công bố thông tin về các hoạt động khác	12
Điều 12. Công bố thông tin của các đối tượng khác	12
Điều 13. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai	14
Điều 14. Công bố thông tin theo nhu cầu của Công ty	15
CHƯƠNG III. QUY TRÌNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	15
Điều 15. Quy trình công bố thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư và cơ quan có thẩm quyền	15
CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	17
Điều 16. Trách nhiệm của Người thực hiện công bố thông tin	17
Điều 17. Trách nhiệm các phòng/đơn vị trực thuộc Công ty và cá nhân liên quan	17
Điều 18. Điều khoản thi hành	18

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế công bố thông tin (“Quy chế”) quy định về việc công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin (“CBTT”).

2. Đối tượng áp dụng

- a) Người thực hiện công bố thông tin;
- b) Các Phòng, đơn vị trực thuộc Công ty;
- c) Người nội bộ (“NNB”), người có liên quan (“NCLQ”) của người nội bộ, người có liên quan của Công ty, cổ đông Công ty;
- d) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
- e) Tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Tài liệu tham khảo

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020; Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, được sửa đổi bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024, hiệu lực từ 02/11/2024, văn bản hợp nhất mới nhất là 41/VBHN-BTC 2025;
- Căn cứ Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC;
- Căn cứ Quyết định số 877/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 05/8/2024;
- Căn cứ Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021;
- Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-HĐTV ngày 31/3/2026 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con ban hành kèm theo

Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

- Căn cứ Quy chế Niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết ban hành kèm theo Quyết định số 22/QĐ-HĐTV ngày 18/4/2025 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế về thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 38/QĐ-HĐTV ngày 29/4/2025;
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Người nội bộ của Công ty gồm có:
 - Thành viên Hội đồng quản trị (“HĐQT”);
 - Thành viên Ban Kiểm soát (“BKS”);
 - Tổng Giám đốc (“TGD”), Phó Tổng Giám đốc (“PTGD”) hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - Kế toán trưởng;
 - Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin;
 - Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty.
2. Người có liên quan¹ của người nội bộ
 - a) Công ty và người nội bộ của Công ty;
 - b) Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên mười phần trăm (10%) số cổ phần lưu hành có quyền biểu quyết;
 - c) Tổ chức, cá nhân trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - d) Cá nhân và cha/mẹ đẻ, cha/mẹ nuôi, cha/mẹ chồng, cha/mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh/chị/em ruột, anh/em rể, chị/em dâu của cá nhân đó;
 - e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
 - f) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định Luật Doanh nghiệp;
 - g) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của Công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ; Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của Công ty con.
3. Nhà đầu tư (“NĐT”) thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:
 - a) Nhà đầu tư là người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;

¹ Theo quy định tại Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019

- b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phần lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty;
 - c) Nhà đầu tư hoặc nhóm cổ đông có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của Công ty;
 - d) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.
4. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 5 Quy chế này.
 5. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”), Sở Giao dịch Chứng khoán (“SGDCK”) Hà Nội, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.
 6. Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:
 - Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và Chữ ký của cá nhân;
 - Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).
 7. Bản scan văn bản dùng công bố thông tin phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.
 8. Dữ liệu điện tử dùng CBTT là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode)
 9. Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty đại chúng (“CTĐC”) là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được CTĐC mua lại làm cổ phiếu quỹ.
 10. Người thực hiện CBTT là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền CBTT. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố.
 11. Tổ chức kiểm toán cho Báo cáo tài chính của Công ty là tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, các thông tin tài chính và các báo cáo khác có liên quan theo quy định của pháp luật.
 12. Thông tin định kỳ: Báo cáo tài chính; Báo cáo thường niên, Thông tin ĐHĐCĐ thường niên; Báo cáo tình hình quản trị Công ty; và thông tin khác theo quy định pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.
2. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã

công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Khi công bố thông tin, đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về nội dung thông tin phải công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.
4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: số Căn cước công dân, hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý. Các trường hợp phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật thì không cần sự đồng ý của chủ thể liên quan.
5. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 Quy chế này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK Hà Nội 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK Hà Nội thực hiện công bố thông tin.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

1. Người thực hiện công bố thông tin là 01 người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo quy định của Quy chế này và pháp luật có liên quan.
2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, tính chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh thông tin phải công bố mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.
3. Công ty phải đăng ký, đăng ký lại Người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

STT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Công ty	Chuyên mục: “Quan hệ cổ đông” trên trang thông tin điện tử của Công ty (Website: dalatreal.com.vn)
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - IDS

3	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội – Hệ thống HNX
4	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	Trang thông tin điện tử của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
5	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp	Báo in, báo điện tử,...

- Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, hệ thống công bố thông tin của SGDCK Hà Nội, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK Hà Nội và VSDC

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin

- Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hoả hoạn,...) và phải báo cáo UBCKNN, SGDCK Hà Nội, VSDC về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT.
- Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty phải công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa/tạm hoãn công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 8. Công bố thông tin định kỳ

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
1	Báo cáo tài chính (“BCTC”) bao gồm: BCTC Công ty mẹ và BCTC hợp nhất		
1.1	BCTC năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	
1.2	BCTC bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	



1.3	BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có).	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.	
2	Báo cáo thường niên (“BCTN”)		
	BCTN theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.
3	Báo cáo tình hình quản trị công ty		
3.1	Báo cáo tình hình quản trị Công ty bán niên theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch.	
3.2.	Bảng cung cấp thông tin tình hình quản trị Công ty	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	
3.3	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ Công ty và Dữ liệu điện tử quý 4 năm dương lịch		
3.4	Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.	
4	Họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)		

4.1	Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường.	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.	Nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).
4.2	Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết phải được công bố.	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.	Công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông.
4.3	Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành	
5	Các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.		

Điều 9. Công bố thông tin bất thường

Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện dưới đây, Công ty phải thực hiện công bố thông tin bất thường và nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

STT	Nội dung công bố	Ghi chú
-----	------------------	---------

1	Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp nêu trên.	
2	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.	
3	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.	
4	Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.	
5	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	
6	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa	

	đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.	
7	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.	
8	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty	
9	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty đại chúng.	
10	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết.	
11	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty).	Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.
12	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét.	Trường hợp Công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất



13	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty.	
14	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	
15	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	
16	Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin có ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.	
17	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty.	
18	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài.	
19	Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến để tham dự họp ĐHĐCĐ. Trường hợp thực hiện quyền khác của cổ đông hiện hữu, thông tin công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến
20	Thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính.	Áp dụng trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài

		chính có điều chỉnh hội tổ.
21	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.
22	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.	
23	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp Công ty đại chúng là Công ty mẹ)	
24	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	
25	Các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành	

Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu

Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK Hà Nội nơi Công ty đăng ký giao dịch khi xảy ra sự kiện, Công ty phải thực hiện công bố thông tin.

STT	Nội dung công bố thông tin	Ghi chú
1	Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.	Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK Hà Nội yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

2	Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá, chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	
3	Các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành	

Điều 11. Công bố thông tin về các hoạt động khác

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
1	Hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	Thực hiện theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.	
2	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này.
3	Giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Thực hiện theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu
4	Các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành		

Điều 12. Công bố thông tin của các đối tượng khác

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
-----	------------------	----------	---------

1	Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.		
1.1	Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.	Công ty cần CBTT trên website chính thức của Công ty, SGDCK Hà Nội, UBCKNN
1.2	Cổ đông lớn khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi.	Công ty cần CBTT trên website chính thức của Công ty, SGDCK Hà Nội, UBCKNN.
2	Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ		
2.1	Người nội bộ và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK Hà Nội (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết), công ty đại chúng khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 5.000 cổ phiếu trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 20.000 cổ phiếu trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu	Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc	



	chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK Hà Nội (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác)		
2.2.	Người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch	
3	Các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành		

Điều 13. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
1	Thông tin về việc nhận được đề nghị chào mua công khai.	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai.	Công bố trên website của Công ty, SGDCK Hà Nội, UBCKNN
2	Đánh giá, khuyến nghị đối với đề nghị chào mua công khai của Hội đồng quản trị. Trường hợp một hoặc một số thành viên Hội đồng quản trị có ý kiến khác, Hội đồng quản trị phải công bố kèm theo các ý kiến này.	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai.	Công bố trên website của Công ty, SGDCK Hà Nội, UBCKNN
3	Các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành		

Điều 14. Công bố thông tin theo nhu cầu của Công ty

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
1	Chiến lược/định hướng/kế hoạch kinh doanh và các chương trình/chính sách có ảnh hưởng đến lợi ích của các bên liên quan.	Định kỳ hoặc bất thường tùy thuộc vào nhu cầu cung cấp thông tin của Công ty và các bên liên quan	Công bố trên website/các kênh truyền thông nội bộ của Công ty hoặc trên các phương tiện truyền thông
2	Thông tin về các dự án/ hợp đồng/ khách hàng, đối tác/ quan điểm về vấn đề liên quan đến thị trường, ngành, cổ phiếu, cổ đông, nhà đầu tư.	Định kỳ hoặc bất thường tùy thuộc vào nhu cầu cung cấp thông tin của Công ty và các bên liên quan.	Công bố trên website/các kênh truyền thông nội bộ của Công ty hoặc trên các phương tiện truyền thông
3	Các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành		

CHƯƠNG III. QUY TRÌNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**Điều 15. Quy trình công bố thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư và cơ quan có thẩm quyền****1. Phương thức thực hiện**

Khi cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền cần thông tin, người thực hiện công bố thông tin cung cấp các thông tin thuộc danh mục thông tin phải công bố. Trong trường hợp thắc mắc, yêu cầu của cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền không thuộc danh mục thông tin phải công bố thì người thực hiện công bố thông tin có thể tham khảo ý kiến của cấp lãnh đạo có thẩm quyền, đơn vị tư vấn, cơ quan chức năng và các bộ phận chuyên môn có liên quan khác khi cần thiết để phản hồi kịp thời cho cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền.

2. Mô tả chi tiết các quy trình**a. Quy trình công bố thông tin định kỳ và nhiệm vụ của các bên liên quan**

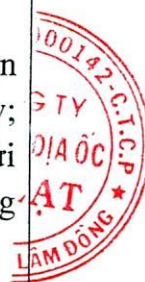
Quy trình	Bộ phận chịu trách nhiệm
Bước 1 Thông báo thông tin công bố	Người thực hiện công bố thông tin: - Thông báo thông tin phải công bố tới phòng/ban phụ trách trực tiếp và các bên liên quan (nếu có) về nội dung và thời hạn thông tin cần công bố;

	- Hiểu rõ các quy định về công bố.
Bước 2 Cung cấp thông tin định kỳ	Đơn vị/phòng/ban phụ trách trực tiếp và các bên liên quan (nếu có): - Lập và đảm bảo tính đầy đủ, minh bạch, chính xác, kịp thời các tài liệu, báo cáo định kỳ; - Trình Ban Tổng Giám đốc phê duyệt trước khi chuyển cho Người thực hiện công bố thông tin
Bước 3 Xem xét nội dung	Người thực hiện công bố thông tin: - Xem xét nội dung các tài liệu, báo cáo định kỳ trước khi tiến hành công bố thông tin; - Đảm bảo nội dung các tài liệu, báo cáo đầy đủ và kịp thời
Bước 4 Công bố thông tin	Người thực hiện công bố thông tin: - Thực hiện công bố thông tin đúng thời hạn trên các kênh theo quy định của Quy chế này; - Đảm bảo các thông tin được công bố được gửi đến hoặc đăng tải trên các kênh công bố thông tin theo quy định của Quy chế này.
Bước 5 Lưu trữ	Văn thư và các bộ phận liên quan khác lưu trữ các thông tin công bố đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

b. Công bố thông tin bất thường

Quy trình	Bộ phận chịu trách nhiệm
Bước 1 Thông báo thông tin bất thường	Đơn vị/phòng/ban/cá nhân, tổ chức có liên quan: - Liên hệ trao đổi, thông báo với Người thực hiện công bố thông tin để biết thông tin phát sinh có thuộc nội dung thông tin cần công bố tại Chương II của Quy chế; - Đảm bảo thông báo đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin phát sinh để bộ phận/người thực hiện công bố thông tin thực hiện việc công bố kịp thời theo quy định.
Bước 2	Đơn vị/phòng/ban/cá nhân, tổ chức có liên quan:

Cung cấp thông tin bất thường phải công bố	- Lập và đảm bảo tính đầy đủ, minh bạch, chính xác, kịp thời của các tài liệu, báo cáo cần công bố thông tin; - Trình Tổng Giám đốc hoặc Người phụ trách phê duyệt để chuyển Người thực hiện công bố thông tin; - Gửi đầy đủ tài liệu, báo cáo cần công bố cho Người thực hiện công bố thông tin theo đúng thời hạn quy định.
Bước 3 Xem xét nội dung	Người thực hiện công bố thông tin: - Xem xét nội dung các tài liệu, báo cáo bất thường trước khi tiến hành công bố thông tin; - Đảm bảo tính đầy đủ, kịp thời của nội dung các tài liệu, báo cáo bất thường cần công bố.
Bước 4 Công bố thông tin	Người thực hiện công bố thông tin: - Thực hiện công bố thông tin đúng thời hạn trên các kênh theo quy định của Quy chế này; - Đảm bảo các thông tin được công bố được gửi đến hoặc đăng tải trên các kênh công bố thông tin theo quy định của Quy chế này.
Bước 5 Lưu trữ	Văn thư và các bộ phận liên quan khác lưu trữ các nội dung công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.



CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của Người thực hiện công bố thông tin

1. Người thực hiện công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, SGDCK Hà Nội, VSDC theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Giám sát việc thực hiện đúng quy trình công bố thông tin.
3. Kiểm tra tính chính xác, phù hợp với nội dung thông tin cần công bố, đối chiếu với các quy định hiện hành về công bố thông tin và thực hiện công bố thông tin theo quy định.
4. Chịu trách nhiệm giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc về việc thực hiện công bố thông tin và kết quả thực hiện.
5. Thực hiện các công việc khác được giao.

Điều 17. Trách nhiệm các phòng/đơn vị trực thuộc Công ty và cá nhân liên quan

1. Đảm bảo tuân thủ và thực hiện đúng Quy chế công bố thông tin

2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của Người thực hiện công bố thông tin
3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của thông tin cung cấp cho Người thực hiện công bố thông tin.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Căn cứ vào nội dung Quy chế, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin chưa được đề cập trong quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng có nghĩa vụ công bố thông tin liên quan.
3. Quy chế này bao gồm 04 chương và 18 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/6/2026
4. Đối tượng áp dụng theo khoản 2 Điều 1 thực hiện quy định theo Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐINH THANH TÂM